

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Cao Văn Thế số 01/CV-GPMT ngày 09 tháng 01 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 746./TTr-PTNMT ngày 10/1/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ kinh doanh Cao Văn Thế, địa chỉ tại thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 40, tổ 2, khu phố Bình Khánh, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Gia công đồ gỗ gia dụng công suất 8.000 sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Gia công đồ gỗ gia dụng công suất 8.000 sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 40, tổ 2, khu phố Bình Khánh, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46E8031977, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2023 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên cấp.

1.4. Mã số thuế: 8618131257-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công đồ gỗ gia dụng từ nguyên liệu gỗ phiêu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:



- Dự án có tiêu chí về môi trường dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án: 4.327m² tại thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 40, tờ 2, khu phố Bình Khánh, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (*ông Cao Văn Thế đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DL647123, sổ vào sổ CN15602 tại thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 40, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương*).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Gia công đồ gỗ gia dụng công suất 8.000 sản phẩm/năm (trong đó: Bàn 1.200 sản phẩm/năm; Ghế 4.800 sản phẩm/năm; Giường 1.000 sản phẩm/năm; Tủ 1.000 sản phẩm/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (gỗ phôi) → Cưa → Cắt → Bào, chà nhám → Lắp ráp → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Cao Văn Thế có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6 Công ty phải ngưng hoạt động, di dời hoặc chuyển đổi công năng đúng thời gian khi có Quyết định của Cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày 14 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND thành phố Tân Uyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Hộ kinh doanh Cao Văn Thế;
- Cổng Thông tin điện tử của UBNDTP;
- Lưu: VT. Đức

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Nguyên





Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27/GPMT-UBND ngày 14 tháng 5. năm 2024
của UBND thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh văn phòng.

Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh công nhân.

Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước
thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước chung nhánh
đường Khánh Bình 40 → Mương Bà Tô cách dự án khoảng 540m về phía Bắc
→ Suối Cái → Sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 dòng: 01 điểm nằm ở phía Tây Bắc khu đất dự án đầu nối vào đường
nhánh Khánh Bình 40 tiếp giáp dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực
105°45', múi chiếu 3°): X = 1220845; Y = 610141.

- Điểm xả nước thải cuối cùng của dự án trước khi thải ra môi trường được
bố trí hồ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước
thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Tây Bắc của dự án
(nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng
rào được xây hồ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước
thải của Hộ kinh doanh Cao Văn Thế".

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 05m³/ngày**2.3.1. Phương thức xả nước thải**

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát trên đường nhánh
Khánh Bình 40 bằng phương thức tự chảy theo đường ống uPVC D120 mm,
chảy ra mương Bà Tô cách dự án khoảng 540m về phía Bắc, sau đó chảy ra suối
Cái và đổ ra sông Đồng Nai.

Hình thức xả thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục khi hoạt động

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào công thoát nước chung trên nhánh đường Khánh Bình 40 tiếp giáp dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 – 9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
2	BOD ₅	mg/l	32,4		
3	COD	mg/l	81		
4	TSS	mg/l	54		
5	Amoni(tính theo N)	mg/l	5,4		
6	Tổng nitơ	mg/l	21,6		
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,32		
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4		
9	Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt từ các bồn cầu (nước thải đen) tại nhà vệ sinh của nhà văn phòng, nhà vệ sinh công nhân (tương ứng với nguồn số 1, 2) được thu gom về các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ cùng với nước thải sinh hoạt từ các bồn rửa tay, sàn nhà vệ sinh (nước thải xám) theo đường ống uPVC D200 mm, $i = 1\%$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 05m³/ngày đêm để xử lý.

Nước thải từ khu bếp của nhà ăn (tương ứng với nguồn số 3) được thu gom theo đường ống uPVC D200 mm, $i = 1\%$ chảy qua thiết bị tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 05m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (nước thải sau bể tự hoại và nước thải sau thiết bị tách mỡ tại nhà ăn) + Nước thải rửa tay chân → Hồ thu gom kiêm bể điều hòa → Ngăn xử lý sinh học – Anoxic → Ngăn hiếu khí (Aerotank) + Màng sinh học -MBR → Khử trùng → Ngăn chứa nước sạch (Đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) → Đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên nhánh đường Khánh Bình 40 → Mương Bà Tô cách dự án khoảng 540m về phía Bắc → Suối Cái → Sông Đồng Nai .

Công suất thiết kế: $05\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh, mật rỉ, soda.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị,

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được tuần hoàn về lại hồ thu bể điều hòa. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, và vệ sinh đường ống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng xử lý nước và thoát nước.



- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động (thời gian dự kiến 02/01/2025 đến 31/03/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Nước thải đầu vào: tại hố thu gom kiêm bể điều hòa: X = 1220775; Y = 610240.

Nước thải đầu ra (sau xử lý): Hố ga cuối cùng nằm trong khuôn viên dự án giáp hàng rào phía Tây Bắc dự án: X = 1220845; Y = 610141.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (*giai đoạn điều chỉnh do chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: Mẫu đơn tại hố thu gom kiêm bể điều hòa và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải tại hố ga đầu vào bể điều hòa và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải).

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hành trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27/GPMT-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của UBND thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01 đến số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt (04 máy)
- Nguồn số 05 đến số 08: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn bào (04 máy).
- Nguồn số 09 đến số 10: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn rong (02 máy).
- Nguồn số 11 đến số 14: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn chà nhám (04 máy).
- Nguồn số 15 đến số 16: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phay (02 máy).
- Nguồn số 17 đến số 18: Bụi, khí thải phát sinh từ máy đánh mòng (02 máy).
- Nguồn số 19 đến số 20: Bụi, khí thải phát sinh từ máy khoan CNC (02 máy).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải:**

TT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ
1	Dòng khí thải số 1	Ống thoát khí thải sau công trình xử lý bụi (Nguồn số 1 đến số 20)	X = 1220790; Y = 610250.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng tối đa 19.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải: Bụi khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường thông qua ống thải, xả cưỡng bức, gián đoạn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, K_p= 1,0, K_v=0,8), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/l	160	6 tháng/lần
2	Lưu lượng	m ³ /h	--	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi gỗ phát sinh từ quá trình sơ chế, tạo dáng sản phẩm gỗ (cưa cắt, phay bào, khoan, chà nhám) từ nguồn số 01 đến nguồn số 20 được thu gom bằng hệ thống chụp hút và ống dẫn bụi sau đó dẫn về hệ thống cyclon thu bụi (buồng chứa bụi có kích thước: D*R*C = 04m* 04m* 3m) và hệ thống lọc túi vải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi gỗ phát sinh → Chụp hút (Đường kính từ D120 – D600 mm) → Ống dẫn → Quạt hút 1 (Công suất quạt 50 Hp) → Cyclone thu bụi (Đường kính D1000m, lưu lượng 19.000 m³/giờ) → Hệ thống lọc bụi túi vải (kích thước 3,5m*1,8m*2,9 m) → Quạt hút 2 (Công suất quạt 50 Hp) → Ống thải (cao 10 m, đường kính 550mm) → Khí sạch thoát ra môi trường đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số K_p = 0,9; K_v = 1,0.

- Công suất thiết kế: 19.000m³/h

- Hóa chất sử dụng: Không sử dụng hóa chất, vật liệu khác.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động (thời gian dự kiến 02/01/2025 đến 31/03/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

01 công trình xử lý bụi (bằng thiết bị cyclone kết hợp lọc bụi túi vải) thu bụi phát sinh từ các máy cắt, bào, rong, phay, đánh mòng, khoan CNC, chà nhám.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống cyclon kết hợp lọc bụi túi vải, có tọa độ X = 1220790; Y = 610250.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (giai đoạn điều chỉnh do chủ đầu tư tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: Mẫu đơn tại ống thải khí thải.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc lấy và phân tích mẫu đơn đối với 03 mẫu đơn của hệ thống xử lý bụi, khí thải trong 03 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi tổng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Hộ kinh doanh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị



định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hành trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27./GPMT-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực bào gỗ.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực định hình.
- Nguồn số 3: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực cắt xẻ gỗ.
- Nguồn số 4: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực lắp ghép sản phẩm.
- Nguồn số 5: Tiếng ồn phát sinh từ HTXL nước thải.
- Nguồn số 6: Tiếng ồn phát sinh từ HTXL bụi gỗ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: có tọa độ X = 1220771; Y = 610219.
- Nguồn số 2: có tọa độ X = 1220813; Y = 610208.
- Nguồn số 3: có tọa độ X = 1220799; Y = 610231.
- Nguồn số 4: có tọa độ X = 1220785; Y = 610193.
- Nguồn số 5: có tọa độ X = 1220774; Y = 609935.
- Nguồn số 6: có tọa độ X = 1220784; Y = 610245.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Tần suất quan	Ghi chú
----	--	---------------	---------

	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	trắc định kỳ	
1	70	60		<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27/GPMT-UBND ngày 14 tháng 5 năm
2024 của UBND Thành phố Tân Uyên).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại phát sinh trung bình 1 năm cụ thể sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	Rắn	10	KS
2	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 03 01	Lỏng	15,144	KS
2.1	Keo sữa thải		Lỏng	13,5	KS
2.2	Keo 502 thải		Lỏng	1,644	KS
3	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 03 01	Lỏng	13,5	KS
4	Bóng đèn LED	16 01 13	Rắn	10	NH
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	92	NH
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại amiang) thải	18 01 02	Rắn	343	KS



TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu
6.1	Thùng kim loại đựng dầu DO thải		Rắn	232	KS
6.2	Thùng kim loại đựng dầu đựng dầu nhớt thải		Rắn	111	KS
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải		Rắn	39,6	KS
7.1	Thùng nhựa đựng keo sữa thải	18 01 03	Rắn	38,5	KS
7.2	Can nhựa đựng chế phẩm vi sinh thải		Rắn	0,594	KS
7.3	Chai nhựa đựng mật rỉ thải		Rắn	0,5	KS
8	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	132	KS
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	6	NH
Tổng cộng				661,244	

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng:

STT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (kg/năm)
1	Bụi gỗ, vụn gỗ, mùn cưa	42.716,5
2	Bao bì nylon, thùng carton hỏng, pallet hỏng, giấy vụn phòng thải, ...	500
3	Ngũ kim hư hỏng như đinh, ốc vít, ...	7,1
Tổng		43.223,6

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý:

STT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (kg/năm)
1	Giấy nhám	33,6

STT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg/năm)
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	120
Tổng		153,6

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	32,4

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: 08 thùng chứa có thể tích 120 lít - 240 lít và các thiết bị khác đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Tất cả các thùng chứa CTNH là loại thùng nhựa chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 20m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Tường gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín mít, không bị thấm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định và có biển báo ghi rõ “Khu vực lưu chứa CTNH” và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại chất thải đang lưu trữ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 06 thùng chứa có thể tích 120 lít - 240 lít và các thiết bị khác đáp ứng yêu cầu theo quy định.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 24m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Cấu tạo kết cấu nền bê tông, tường bao xây gạch, có mái che, có cửa khóa; phân riêng từng khu vực



lưu chứa các loại chất thải và có biển báo ghi rõ tên khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 06 thùng chứa bằng nhựa, dung tích 30 – 120 lít.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết phải có nền bê tông chống thấm, không bị ú đọng nước mưa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27/GPMT-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Tây Bắc của dự án (nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Hộ kinh doanh Cao Văn Thế"

3. Hồ ga thoát nước mưa cuối cùng của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước mưa khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Tây Nam của dự án (nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước mưa của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước mưa của Hộ kinh doanh Cao Văn Thế".

4. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành

9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.